TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2018/DS-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2018
Về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2018/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206A/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Xuân Đ, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre
2. Bị đơn:
Ông Phạm Thành T, sinh năm 1968 (có mặt)
Bà Phan Thị Diệu H, sinh năm 1966 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Xuân Đ, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre

Ông Phạm Phú T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre

4. Người làm chứng: Ông Trần Huỳnh L, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 490C, khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

3. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Đào Thị Xuân Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Đào Thị Xuân Đ trình bày:

Bà là chủ sử dụng phần đất có diện tích 261m^2 thuộc thửa đất 2737, tờ bản đồ số 1, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào ngày 13/02/2006, đến ngày 07/5/2013 Vlap đo đạc cấp lại với diện tích 267,5m^2 thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị T (mẹ của bà) nhận chuyển nhượng của ông Trần Xán H và bà Đặng Thị Th vào ngày 16/01/2006, bà T là người trả tiền chuyển nhượng đất cho ông H và bà Th, sau đó bà T đã tặng cho bà phần đất này nên bà được cấp GCNQSDĐ.

Giáp ranh với phần đất của bà là đất ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H. Nguồn gốc này là vào năm 2003, ông Trần Xán H và bà Đặng Thị T chuyển nhượng đất cho ông Trần Huỳnh L. Tại tờ chuyển nhượng đất ngày 10/5/2003 giữa vợ chồng ông H, bà Th với ông L ghi rõ "hai bên chúng tôi (ông H và bà Liêm) có thống nhất như sau: Phần 8 tấc đất tức 0,8m cách nhau với ông Trần Xán H là chủ quyền của ông Trần Xán H. Nhưng ông H đồng ý là lối đi chung hai bên có trách nhiệm gìn giữ". Phần 0,8m này để xác định ranh giữ ông L và bà. Lý do ông H để dư 0,8m đất này là do ông H xây dựng nhà cần phải có diện tích để đóng mở cửa sổ, vì vậy ông H mới để dư phần đất có chiều ngang 0,8m, chiều dài chạy hết diện tích đất bên hông nhà ông H. Khi bà T nhận chuyển nhượng đất thì có ký tên đồng ý cho ông L đi lối đi 0,8m trên. Sau khi mua đất của ông H và bà Th thì ông L xây nhà kiên cố (bà không nhớ rõ xây nhà thời gian nào mà xây nhà trước khi bà mua đất của ông H và bà Th) đến khoảng năm 2014 thì ông Trần Huỳnh L chuyển nhượng phần đất do

ông L mua từ ông H cho vợ chồng ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H bao gồm cả nhà trên đất, lúc này bà có yêu cầu khi nào vợ chồng ông T làm thủ tục chuyển nhượng đất phải cho bà biết để xác định ranh giữa hai bên, nhưng ông T âm thầm làm thủ tục sang tên đất mà không có sự chứng kiến của bà là hộ giáp ranh.

Khi ông H bán lại nhà và đất cho bà là bao gồm luôn phần đất có chiều ngang 0,8m, chiều dài chạy hết diện tích đất. Việc chuyển nhượng đất có giấy xác nhận của ông H và bà Th. Qua thời gian sử dụng cho đến ngày 28/12/2015 bà yêu cầu đo đạc lại để xác định ranh đất thì phát hiện ông T bà bà H lấn chiếm phần đất có chiều ngang 0,8m và chiều dài 34,2m nằm sát vách nhà bà đang ở và phần đất có diện tích 4,7m^2 ở phía sau.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H trả cho bà phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 0,8m kéo từ mí tường nhà bà sang phía bị đơn và chiều dài 34,2m từ QL57 kéo vào phần đất có diện tích 4,7m^2 (theo như kết quả đo đạc ngày 07/3/2018) thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre và yêu cầu xác định đường ranh đất giữa thửa 21 với thửa 26 là đường nối từ điểm số 18 đến điểm số 16, 15, 20 theo như sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 21, 26 tờ bản đồ số 30 ngày 21/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Nếu bức tường nhà ông T, bà H lấn qua phần đất của bà thì phải tự tháo dỡ, di dời hoặc tự đập bỏ, trả lại đất nguyên thủy cho bà. Còn lối đi là lối đi riêng của bà, thuộc quyền sử dụng của bà nên không cho vợ chồng ông T đi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H trình bày:

Ông bà là chủ sử dụng phần đất có diện tích 206,7m^2 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C. Đất này do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Huỳnh L vào năm 2014, khi đó hai bên không có đo đạc thực tế mà chỉ làm thủ tục chuyển nhượng dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L với giá 470.000.000 đồng; thực trạng thửa đất lúc đó đã được xây nhà cấp 4, phần giáp ranh với bà Đ là bức tường kiên cố. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thì ông bà về sinh sống trên đất từ tháng 4/2014 cho đến nay.

Phần đất cho chiều ngang 0,8m mà bà Đ tranh chấp là phần đất từ mí bức tường nhà ông bà trở ra, phần đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ. Ngày trước khi mua bán hai bên ghi là "0,8 mét" là chỉ độ phỏng nhưng nay theo kết quả đo đạc có diện tích 19m^2 (tranh chấp 4: 18,5m^2 + phần tranh chấp 1: 0,5m^2) thì ông bà thống nhất của bà Đ nên ông bà không có tranh chấp gì và cụng

không có yêu cầu mở lối đi với phần đất này. Còn phần đất có diện tích 8,9m^2(4,3m^2 + 2,7m^2 + 1,8m^2 + 0,1m^2) có bức tường trên đất là của ông bà. Theo ông T, bà H năm 2003 ông L nhân chuyển nhượng đất và đã xây dựng nhà kiên cố, có bức tường ranh này, ông L nhận chuyển nhượng đất trước bà Đ 03 năm, khi bà Đ nhận chuyển nhượng đất đã có bức tường trên đất nhưng bà Đ vẫn đồng ý, đều đó cho thấy bà Đ đã thừa nhận bức tường là của ông L. Đến năm 2014, ông L chuyển nhượng phần đất này cho ông bà (bao gồm bức tường tranh chấp) thì ông bà vẫn giữ nguyên hiện trạng cho đến nay.

Ngoài ra, bà Đ cho rằng ông bà sử dụng đất lấn chiếm phần đất có diện tích 4,7m^2 là không đúng, ông bà sử dụng phần đất theo đúng diện tích đã được cấp GCNQSDĐ mà ông bà nhận chuyển nhượng từ ông L, đồng thời ở phía sau bà Đ đã xây bức tường để thể hiện ranh nay bà Đ xác định ranh ở phía trong bức tường là không đúng.

Nay ông bà không đồng ý trả lại phần đất có diện tích 8,9m^2 và phần đất có diện tích 4,7m^2 theo như yêu cầu của bà Đ, cũng như không đồng ý tháo dỡ, di dời hoặc tự đập bỏ bức tường trên đất. Còn riêng phần đất có diện tích 19m^2 (phần lối đi) thì ông bà thống nhất là đất của bà Đ, không có tranh chấp gì và cũng không yêu cầu mở lối đi đối với phần đất này. Ông bà yêu cầu xác định phần ranh đất giữa thửa 26 với thửa 21 là đường nối từ điểm số 11 đến điểm số 12, 13, 14, 6, 5, 4 theo như sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất 21, 26 tờ bản đồ số 30 ngày 21/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Tại biên bản làm việc ngày 09/11/2016, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2006, bà nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 2737, tờ bản đồ số 1 của ông H và bà Th, bà là người trực tiếp trả tiền chuyển nhượng đất cho ông H và bà Th nhưng nay bà đã tặng cho toàn bộ phần đất này cho bà Đào Thị Xuân Đ, bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất này, hiện nay bà Đ được trọn quyền quyết định đối với phần đất này, bà và bà Đ không có tranh chấp gì.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 01/6/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Phú T trình bày:

Anh đang sinh sống trên ngôi nhà có một phần nằm trên phần đất tranh chấp; phần đất thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C là thuộc quyền sử dụng của ông T và bà H, anh không có liên quan gì đến việc tranh chấp này và cũng không yêu cầu gì.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Xuân Đ đối với ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H. Cụ thể tuyên:

Bà Đào Thị Xuân Đ được trọn quyền sử dụng phần đất tranh chấp 6 có diện tích 1,8m^2; tranh chấp 4 có diện tích 18,5m^2 và tranh chấp 1 có diện tích 0,5m^2. Có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa đất số 4 dài 0,65m (từ điểm 6 – 7);

- Nam giáp Quốc lộ 57 dài 0,72m (từ điểm 10-11 dài 0,55m, 11-17 dài 0,17m);

- Đông giáp thửa đất 26 (từ điểm số 17 đến 12 dài 20,72m, 12-13 dài 0,10m, 13-14 dài 13,49m, 14-6 dài 0,85m);

Tây giáp thửa đất 21 dài 34,99m (từ điểm 10-9 dài 20,76m, 9-8 dài 13,44m, 8-7 dài 0,79m).

(Có đồ họa kèm theo).

Đường ranh đất giữa thửa đất số 2737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 30 với thửa đất số 2763 (nay là thửa 26), tờ bản đồ số 30 củng tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối từ điểm số 17 đến điểm số 12 dài 20,72m, từ điểm số 12 đến điểm số 13 dài 0,10m, từ điểm số 13 đến điểm số 14 dài 13,49m, từ điểm số 14 đến điểm số 6 dài 0,85m, từ điểm số 6 đến điểm số 5 dài 0,15m, từ điểm số 5 đến điểm số 4 dài 5,69m (theo sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 21, 26, tờ bản đồ số 30 – xã V, huyện C đề ngày 21/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Có họa đồ kèm theo.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Xuân Đ đối với ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H về việc yêu cầu ông T, bà H trả lại cho bà diện tích đất 11,8m^2 gồm (phần tranh chấp 7: 4,3m^2 + phần tranh chấp 5: 2,7m^2 + phần tranh chấp 3: 4,7m^2 + phần tranh chấp 2: 0,1m^2) và yêu cầu ông T, bà H tháo dỡ phần mái che bằng tol sống vuông đưa ra không gian phần đất tranh chấp có chiều ngang 0,35m, chiều dài 20m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/7/2018, bà Đào Thị Xuân Đ có đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm buộc ông T, bà H trả lại cho bà

toàn bộ diện tích lối đi trên đất mà ông T, bà H đã lấn chiếm, đất có chiều ngang 0,8m, chiều dài 34,2m theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà. Đồng thời buộc ông T, bà H phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định trong đó có phần của bà phải chịu theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 1.693.000 đồng và tháo dỡ mái tol đã lấn qua không gian phần đất của bà.

Ông T, bà H không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng có xem xét yêu cầu tháo dỡ mái tol đã lấn qua không gian phần đất của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bà Đào Thị Xuân Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần đất 267,5m^2 do bà Đ quản lý, sử dụng và phần đất 206,7m^2 do ông Phạm Thành T quản lý, sử dụng có nguồn gốc của ông Trần Xán H. Năm 2003, ông H chuyển nhượng đất cho ông L có thỏa thuận: "Phần 8 tấc đất tức 0,8m cách nhau với ông Trần Xán H là chủ quyền của ông Trần Xán H. Nhưng ông H đồng ý là lối đi chung nên hai bên có trách nhiệm gìn giữ". Năm 2006, ông H chuyển nhượng phần còn lại bao gồm cả phần lối đi như thỏa thuận trên cho bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột bà Đ) nhưng để bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại phần lối đi vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ. Các bên thừa nhận việc thỏa thuận phần lối đi có chiều ngang 0,8m là không có đo đạc thực tế mà chỉ độ phỏng. Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện do sau này đo đạc lại thì lối đi này có chiều ngang không đủ 0,8m nên căn cứ vào thỏa thuận trước đó của ông H và ông L để yêu cầu giải quyết. Bên cạnh đó, sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông H vào năm 2003 thì ông L đã xây dựng nhà, vị trí bức tường nhà nằm trên phần đất hiện đang tranh chấp và ông H không có ý kiến hay tranh chấp gì. Đến năm 2014, khi ông L chuyển nhượng phần đất cho ông T thì hiện trạng thửa đất đã có nhà cấp 4, phần giáp với đất bà Đ là bức tường nhà ông L xây dựng, và từ đó đến nay ông T không xây dựng công trình kiến trúc nào trên phần lối đi này. Do đó, có căn cứ xác

định bức tường do ông L xây dựng là ranh đất giữa ông L và ông H và hiện nay là ranh đất giữa ông T, bà H và bà Đ.

Phần tranh chấp 3 (theo họa đồ đo đạc) có diện tích 4,7m^2, bà Đ không kháng cáo yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có cơ sở xác định ranh đất giữa bà Đ và ông T, bà H là đường ranh nối từ các điểm 17, 12, 13, 14, 6, 5, 4.

Đối với phần mái che bằng tol sống vuông đưa ra không gian phần đất tranh chấp có chiều ngang 0,35m, chiều dài 20m (tính từ mí bức tường nhà trở ra). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ yêu cầu ông T, bà H tháo dỡ mái tol che lấn qua phần không gian phần đất của bà. Xét thấy, phần yêu cầu tháo dỡ là tính từ mép ngoài bức tường trở ra chiều ngang 0.35m không ảnh hưởng lớn đến phần công trình nhà của ông T, bà H và ông T, bà H thừa nhận phần này nằm trên không gian của phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Đ. Do đó, yêu cầu của bà Đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện nay, ông T, bà H không tranh chấp cũng không yêu cầu sử dụng lối đi. Phần đất bà Đ tranh chấp do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận. Do đó, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Do yêu cầu của bà Đ không được chấp nhận toàn bộ nên Tòa sơ thẩm buộc bà chịu một phần chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là có căn cứ.

Các phần khác không có kháng cáo Tòa án không xem xét.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị Xuân Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 74/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Cụ thể tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Xuân Đ đối với ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị Diệu H.

Bà Đào Thị Xuân Đ được trọn quyền sử dụng phần đất tranh chấp 6 có diện tích 1,8m^2; tranh chấp 4 có diện tích 18,5m^2 và tranh chấp 1 có diện tích 0,5m^2. Có tứ cận như sau:

Bắc giáp thửa số 4 dài 0,65m (từ điểm 6-7);

Nam giáp Quốc lộ 57 dài 0,72m (từ điểm số 10-11 dài 0,55m, 11-17 dài 0,17m);

Đông giáp thửa 26 (từ điểm số 17-12 dài 20,72m, 12-13 dài 0,10m, 13-14 dài 13,49m, 14-16 dài 0,85m);

Tây giáp thửa 21 dài 34,99m (từ điểm 10-9 dài 20,76m, 9-8 dài 13,44m, 8-7 dài 0,79m).

Đường ranh đất giữa thửa 2737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 30 với thửa 2763 (nay là thửa 26), tờ bản đồ số 30 cùng tọa lạc ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối từ điểm 17 đến điểm số 12 dài 20,72m, từ điểm 12 đến điểm số 13 dài 0,10m, từ điểm 13 đến điểm số 14 dài 13,49m, từ điểm số 14 đến điểm số 6 dài 0,85m, từ điểm số 6 đến điểm số 5 dài 0,15m, từ điểm số 5 đến điểm số 4 dài 5,69m (theo sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 21, 26 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre đề ngày 21/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

(Có họa đồ kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Xuân Đ đối với ông Phạm Thành T và bà Phan Thị Diệu H về việc yêu cầu ông T, bà H trả lại cho bà diện tích đất 11,8m^2 (gồm phần tranh chấp 7: 4,3m^2 + phần tranh chấp 5: 2,7m^2 + phần tranh chấp 3: 4,7m^2 + phần tranh chấp 2: 0,1m^2).

Điều chỉnh phần tranh chấp mái tol chiều ngang 0,35m, chiều dài 20m (tính từ mí bức tường nhà trở ra) theo hướng buộc ông T, bà H có trách nhiệm tự tháo dỡ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có quyết định thi hành án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đào Thị Xuân Đ phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đào Thị Xuân Đ đã nộp là 763.000 (Bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu

tiền số 0022795 ngày 11/5/2016, 0023006 ngày 15/9/2016, 0023472 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho bà Đào Thị Xuân Đ số tiền 563.000 (Năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đào Thị Xuân Đ phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017559 ngày 20/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Án phí dân sự phúc thẩm bà Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁP- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Xương